EVALUATING THE EFFECTIVENESS OF A COUNSELING SKILLS TRAINING PROGRAM FOR PRE-SERVICE PRIMARY TEACHERS TO SUPPORT PUPILS COPING WITH TRAUMA CAUSED BY SCHOOL VIOLENCE

Bui Thi Loan

Email: buithiloan@hvu.edu.vn

Hung Vuong University
Nong Trang ward, Phu Tho province, Vietnam

Received: 06/12/2025
Revised: 08/3/2026
Accepted: 10/4/2026
Published: 20/5/2026

Abstract: School violence causes significant psychological harm to primary school pupils, highlighting the need to strengthen counseling competencies among pre-service teachers. This study evaluates the effectiveness of a counseling skills training program for students majoring in Primary Education at Hung Vuong University, aimed at supporting pupils in coping with trauma caused by school violence. The program was implemented through experiential learning activities, including the establishment of a counseling skills club, the implementation of thematic counseling projects, and experiential activities at professional psychological counseling centers. The experiment was conducted with 120 students, divided into an experimental and a control group (60 students each). Counseling skills were assessed based on four criteria: identification of psychological trauma, emotional regulation, coping with trauma, and help-seeking behavior. Data were analyzed using descriptive statistics and independent-samples T-tests. The results showed that 68.3% of students in the experimental group achieved Good and Excellent levels, significantly higher than those in the control group ($p < 0.05$). The findings confirm the effectiveness of the training program and suggest integrating counseling skill development into the *School Psychology Counseling* course within primary teacher education programs.

Keywords: *Program evaluation, counseling skills, students, primary education, coping with trauma, school violence.*

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CHƯƠNG TRÌNH RÈN LUYỆN KĨ NĂNG TƯ VẤN HỌC SINH ỨNG PHÓ VỚI TỔN THƯƠNG DO BẠO LỰC HỌC ĐƯỜNG CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC

Bùi Thị Loan

Email: buithiloan@hvu.edu.vn

Trường Đại học Hùng Vương
Phường Nông Trang, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Nhận bài: 06/12/2025
Chỉnh sửa xong: 08/3/2026
Chấp nhận đăng: 10/4/2026
Xuất bản: 20/5/2026

Tóm tắt: Bạo lực học đường gây nhiều tổn thương tâm lí đối với học sinh tiểu học, đặt ra yêu cầu nâng cao năng lực tư vấn cho sinh viên sư phạm. Nghiên cứu này đánh giá hiệu quả của một chương trình rèn luyện kĩ năng tư vấn cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học, Trường Đại học Hùng Vương nhằm hỗ trợ học sinh ứng phó với tổn thương do bạo lực học đường. Chương trình được triển khai thông qua các hoạt động trải nghiệm như: Xây dựng câu lạc bộ rèn luyện kĩ năng, thực hiện các dự án tư vấn theo chủ đề và tổ chức hoạt động trải nghiệm tại các cơ sở tư vấn tâm lí. Thực nghiệm được tiến hành trên 120 sinh viên, chia thành nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng (mỗi nhóm 60 sinh viên). Kĩ năng tư vấn được đánh giá theo bốn tiêu chí: Nhận diện tổn thương tâm lí, kiểm soát cảm xúc, ứng phó với tổn thương và tìm kiếm sự trợ giúp. Dữ liệu được phân tích bằng thống kê mô tả và kiểm định T-test độc lập. Kết quả cho thấy, 68,3% sinh viên nhóm thực nghiệm đạt mức Tốt và Xuất sắc, cao hơn rõ rệt so với nhóm đối chứng; sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$). Kết quả khẳng định hiệu quả của chương trình rèn luyện và gợi ý tích hợp nội dung phát triển kĩ năng tư vấn vào học phần Tư vấn tâm lí học đường trong chương trình đào tạo giáo viên tiểu học.

Từ khóa: *Đánh giá chương trình, kĩ năng tư vấn, sinh viên, giáo dục tiểu học, ứng phó với tổn thương, bạo lực học đường.*

1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, hiện tượng bạo lực học đường (bao gồm bắt nạt, miệt thị ngoại hình, xúc phạm danh dự, xâm hại…) đang gia tăng và để lại nhiều hệ lụy đối với sự phát triển nhân cách cũng như sức khỏe tâm thần của học sinh tiểu học. Nhiều em rơi vào trạng thái mặc cảm, tự ti, lo âu và có nguy cơ hình thành các tổn thương tâm lí lâu dài nếu không nhận được hỗ trợ kịp thời. Nghiên cứu quốc tế cũng cho thấy, bạo lực học đường có mối liên hệ chặt chẽ với mức độ gắn kết trường học và sự hài lòng cuộc sống của học sinh, cả bản địa và nhập cư (Varela và cộng sự, 2024). Đồng thời, nhiều hệ thống giáo dục trên thế giới đã nhấn mạnh vai trò của các chiến lược phòng ngừa trong giảm thiểu bạo lực học đường (Sibisi và cộng sự, 2024).

Bạo lực học đường không chỉ bao gồm hành vi xâm hại thể chất mà còn bao hàm các hình thức bạo lực tinh thần như bắt nạt, cô lập xã hội, miệt thị ngoại hình, xúc phạm danh dự và bạo lực trên không gian mạng. Đối với học sinh tiểu học - lứa tuổi đang hình thành nền tảng nhân cách và khả năng điều chỉnh cảm xúc - những tác động này có thể gây ra tổn thương tâm lí kéo dài nếu không được can thiệp kịp thời.

Ở bình diện xã hội - truyền thông, Bound Alberti (2021) chỉ ra rằng, các hành vi bạo lực dưới dạng miệt thị ngoại hình phản ánh những chuẩn mực áp đặt lên cơ thể, góp phần tái sản xuất bất bình đẳng giới trong môi trường trực tuyến. Corradini (2023) tiếp cận hiện tượng này dưới góc độ phân tích mạng xã hội và cho thấy bạo lực ngôn từ thường diễn ra theo các hình thức cộng đồng trực tuyến, gây tác động mạnh mẽ đến cảm xúc cá nhân. Các nghiên cứu gần đây của Kaushik và Batra (2022) khẳng định mối liên hệ giữa miệt thị ngoại hình, lo âu và rối loạn cảm xúc ở thanh thiếu niên.

Ở góc độ giáo dục và tâm lí học đường, vai trò của tư vấn và tham vấn tâm lí đã được khẳng định trong nhiều công trình. Geldard và Geldard (2002) nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tạo dựng niềm tin và khuyến khích trẻ bộc lộ cảm xúc để nâng cao khả năng tự chấp nhận. Kim và cộng sự (2024) nhấn mạnh vai trò của các mô hình tư vấn học đường dựa trên phòng ngừa và bằng chứng thực nghiệm.

Trong các tài liệu chuyên ngành, thuật ngữ "Tham vấn" và "Tư vấn" đôi khi được sử dụng với những sắc thái khác nhau. "Tham vấn" được hiểu là quá trình hỗ trợ tâm lí mang tính chuyên sâu, có quy trình và kĩ thuật đặc thù, do những người được đào tạo bài bản về tâm lí học thực hiện (Geldard & Geldard, 2002). Trong khi đó, "Tư vấn" trong bối cảnh giáo dục phổ thông thường được hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm việc lắng nghe, định hướng, hỗ trợ học sinh nhận diện vấn đề, điều chỉnh cảm xúc và tìm kiếm nguồn lực trợ giúp phù hợp.

Thuật ngữ "Kĩ năng tư vấn" được sử dụng với nội hàm tương đương với "School counseling" trong các tài liệu quốc tế. Thuật ngữ này không chỉ dừng lại ở việc đưa ra lời khuyên mà bao hàm các kĩ năng lắng nghe tích cực, nhận diện tổn thương tâm lí, hỗ trợ điều chỉnh cảm xúc và định hướng ứng phó cho học sinh trong môi trường học đường. Việc sử dụng thuật ngữ "Tư vấn" thay vì "Tham vấn" nhằm phù hợp với phạm vi đào tạo sinh viên sư phạm tiểu học, những người thực hiện vai trò hỗ trợ tâm lí – giáo dục ở mức độ phù hợp với chức năng nghề nghiệp của giáo viên trong nhà trường.

Trong nghiên cứu này, "Kĩ năng tư vấn học sinh ứng phó với tổn thương do bạo lực học đường" được hiểu là năng lực của giáo viên trong việc: 1) Nhận diện biểu hiện tổn thương tâm lí; 2) Hỗ trợ học sinh điều chỉnh cảm xúc; 3) Định hướng chiến lược ứng phó phù hợp; 4) Hướng dẫn học sinh tìm kiếm nguồn lực trợ giúp an toàn. Đây là những thành tố cốt lõi của hoạt động tư vấn học đường trong bối cảnh đổi mới giáo dục.

Tại Việt Nam, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có nhiều chính sách định hướng. Thông tư số 31/2017/ TT-BGDĐT quy định triển khai tư vấn tâm lí học đường; Quyết định 1876/QĐ-BGDĐT ban hành chương trình bồi dưỡng năng lực tư vấn cho giáo viên; Công văn 4252/BGDĐT-GDCTHSSV yêu cầu tăng cường triển khai hỗ trợ tâm lí cho học sinh phổ thông; Quyết định 4216/QĐ-BGDĐT phê duyệt Sổ tay hướng dẫn tư vấn tâm lí cho học sinh phổ thông; Quyết định 2771/QĐ-BGDĐT phê duyệt Tài liệu hướng dẫn triển khai mô hình cung cấp dịch vụ tư vấn tâm lí trong trường học; Thông tư số 20/2023/ TT-BGDĐT quy định về vị trí việc làm trong cơ sở giáo dục phổ thông, trong đó có vị trí việc làm về tư vấn tâm lí.

Tuy nhiên, thực tiễn đào tạo giáo viên hiện nay cho thấy, việc rèn luyện kĩ năng tư vấn cho sinh viên sư phạm còn thiên về lí thuyết, thiếu các hoạt động thực nghiệm và mô phỏng tình huống thực tiễn. Phần lớn các nghiên cứu trước đây tập trung vào thực trạng bạo lực học đường hoặc vai trò của tư vấn trong trường phổ thông, trong khi các nghiên cứu thực nghiệm đánh giá hiệu quả rèn luyện kĩ năng tư vấn cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học còn hạn chế. Đây chính là khoảng trống nghiên cứu cần được tiếp tục làm rõ.

 https://doi.org/10.15625/2615-8957/12610506

Xuất phát từ khoảng trống nghiên cứu và yêu cầu thực tiễn đó, bài viết này nhằm đánh giá hiệu quả của chương trình rèn luyện kĩ năng tư vấn cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học trong việc hỗ trợ học sinh ứng phó với tổn thương do bạo lực học đường. Chương trình được triển khai thông qua một số hoạt động như: xây dựng câu lạc bộ rèn luyện kĩ năng tư vấn, thực hiện các dự án tư vấn theo chủ đề và tổ chức hoạt động trải nghiệm tại cơ sở tư vấn tâm lí.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Mẫu khách thể khảo sát

Thực nghiệm được tiến hành trong học kì I năm học 2025 - 2026 với 120 sinh viên năm thứ hai, năm thứ ba ngành Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Hùng Vương. Ngoài ra, nghiên cứu tham khảo ý kiến của 06 giảng viên và 03 chuyên gia để thẩm định chương trình. Sau khảo sát ban đầu, sinh viên được chia thành hai nhóm tương đương: Nhóm thực nghiệm (60 sinh viên) và nhóm đối chứng (60 sinh viên), đảm bảo tương đồng về giới tính, năm học và học lực. Thực nghiệm kéo dài 6 tuần (mỗi tuần 1 buổi, 3 giờ) với ba giai đoạn: Đánh giá ban đầu (tuần 1–2), triển khai biện pháp (tuần 3-5) và đánh giá sau thực nghiệm (tuần 6). Hoạt động thực nghiệm được lồng ghép trong học phần Tư vấn tâm lí học đường - học phần bắt buộc giảng dạy ở học kì thứ ba của sinh viên năm thứ hai ngành Giáo dục tiểu học, Trường Đại học Hùng Vương.

Bảng 1 cho thấy, sinh viên ở hai nhóm thực nghiệm và đối chứng có sự tương đồng về các đặc điểm nhân khẩu học cơ bản, kết quả học lực và bảo đảm tính tương đương ban đầu giữa hai nhóm trong nghiên cứu thực nghiệm.

2.2. Phương pháp nghiên cứu cụ thể

Nghiên cứu sử dụng phương pháp thực nghiệm sư phạm làm phương pháp nghiên cứu chính. Nhóm thực nghiệm tham gia chương trình rèn luyện kĩ năng tư vấn được thiết kế theo hướng học tập trải nghiệm, trong khi nhóm đối chứng học theo chương trình đào tạo thông thường. Trước và sau can thiệp, kĩ năng tư vấn của sinh viên ở cả hai nhóm được đánh giá bằng bộ công cụ đã xây dựng.

Chương trình rèn luyện được triển khai thông qua các hoạt động như: 1) Xây dựng câu lạc bộ rèn kĩ năng tư vấn; 2) Xây dựng các dự án tư vấn tâm lí theo chủ đề chuyên biệt; 3) Tổ chức hoạt động trải nghiệm tại các cơ sở tư vấn tâm lí thực tế. Trong quá trình thực nghiệm, nhóm nghiên cứu xây dựng 10 tình huống điển hình liên quan đến học sinh tiểu học bị tổn thương do bạo lực học đường (bắt nạt, miệt thị ngoại hình, xâm hại…) để sinh viên thực hành phân tích và xử lí trong các hoạt động thảo luận, đóng vai và mô phỏng tình huống.

Tính cần thiết, tính ứng dụng và tính khả thi của chương trình được thẩm định thông qua ý kiến của 03 chuyên gia giáo dục và 06 giảng viên Tâm lí giáo dục. Dữ liệu thu thập được xử lí bằng thống kê mô tả và kiểm định T-test độc lập thông qua phần mềm SPSS nhằm so sánh sự khác biệt giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng.

Bảng 1: *Đặc điểm nhân khẩu học của mẫu nghiên cứu*

Đặc điểm		Nhóm thực nghiệm (n=60)		Nhóm đối chứng (n=60)	
		Số lượng	%	Số lượng	%
Giới tính	Nam	3	5,0	4	6,7
	Nữ	57	95,0	56	93,3
Sinh viên	Năm thứ hai	30	50,0	29	48,3
	Năm thứ ba	30	50,0	31	51,7
Học lực	Xuất sắc	2	3,3	3	5,0
	Giỏi	15	25,0	14	23,3
	Khá	35	58,3	35	58,3
	Trung bình	8	13,3	8	13,3
	Yếu - kém	0	0	0	0

2.3. Công cụ nghiên cứu

Bộ công cụ đánh giá kĩ năng tư vấn học sinh ứng phó với tổn thương khi bị bạo lực được đo bằng thang Likert 5 mức (1–5 điểm) phản ánh mức độ biểu hiện kĩ năng từ rất thấp đến cao. Khoảng cách giữa các mức được xác định theo công thức: (5 – 1) / 5 = 0,8. Căn cứ vào khoảng giá trị này, mức độ kĩ năng được phân loại như sau: 1,0–<1,8 (Chưa đạt/ Yếu), 1,8– <2,6 (Trung bình), 2,6–<3,4 (Khá), 3,4–<4,20 (Tốt) và 4,20–5,0 (Xuất sắc). Mặt khác, công cụ đánh giá kĩ năng tư vấn của sinh viên được xây dựng trên cơ sở kế thừa khung năng lực tư vấn học đường trong các tài liệu chuyên ngành và các nghiên cứu trước đây (Geldard & Geldard, 2002; Kim và cộng sự, 2024), đồng thời điều chỉnh phù hợp với bối cảnh đào tạo sinh viên ngành Giáo dục tiểu học. Thang đo gồm bốn nhóm kĩ năng thành phần: 1) Nhận diện tổn thương; 2) Kiểm soát cảm xúc; 3) Hướng dẫn ứng phó; 4) Tìm kiếm sự trợ giúp.

Để bảo đảm độ tin cậy của công cụ, tác giả đã tiến hành kiểm định độ tin cậy bằng hệ số Cronbach's Alpha trên mẫu khảo sát thử nghiệm trước khi thực hiện thực nghiệm chính thức. Kết quả cho thấy, hệ số Cronbach's Alpha của toàn thang đo đạt 0,814. Các thang thành phần đều có hệ số $\alpha > 0,77$ cho thấy công cụ đạt độ tin cậy chấp nhận được theo tiêu chuẩn nghiên cứu khoa học xã hội.

Trước khi triển khai thực nghiệm chính thức, công cụ đã được thử nghiệm sơ bộ trên một nhóm sinh viên (n = 30) nhằm xác định mức độ rõ ràng của các tiêu chí và điều chỉnh những nội dung chưa phù hợp. Sau thử nghiệm sơ bộ, một số item được điều chỉnh để bảo đảm tính dễ hiểu và phù hợp với đối tượng nghiên cứu (xem Bảng 2).

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Kết quả đánh giá kĩ năng tư vấn của sinh viên trước thực nghiệm

Chúng tôi tiến hành thăm dò, khảo sát, kiểm tra về mặt nhận thức, kĩ năng tư vấn học sinh ứng phó với

Bảng 2: *Thang đánh giá kĩ năng tư vấn học sinh ứng phó với tổn thương khi bị bạo lực cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học*

Kĩ năng	Chỉ báo chi tiết	Mức độ	Giá trị trung bình
Tư vấn học sinh nhận diện tổn thương do bạo lực	Tư vấn học sinh nhận diện nhanh, chính xác các biểu hiện tổn thương do bạo lực học đường (lo âu, tự ti, buồn chán); phân biệt rõ nguyên nhân và mức độ nghiêm trọng của bạo lực.	Xuất sắc	4,21–5,00
	Tư vấn học sinh nhận diện được phần lớn biểu hiện tổn thương của bạo lực học đường và đôi khi còn bỏ sót chi tiết nhỏ.	Tốt	3,41–4,20
	Tư vấn học sinh nhận diện được một số biểu hiện rõ ràng song còn lúng túng trước tình huống bạo lực học đường phức tạp.	Khá	2,61–3,40
	Tư vấn học sinh nhận diện được các tổn thương do bạo lực học đường một cách chung chung, dễ nhầm lẫn nguyên nhân.	Trung bình	1,81–2,60
	Không tư vấn học sinh nhận diện được hoặc nhận diện sai, gần như bỏ qua dấu hiệu tổn thương.	Chưa đạt	1,00–1,80
Tư vấn học sinh kiểm soát cảm xúc bản thân khi bạo lực	Tư vấn và khuyến khích học sinh sử dụng nhiều cách tự điều chỉnh (thở sâu, chia sẻ, viết nhật kí…); duy trì bình tĩnh trong hầu hết tình huống bạo lực học đường.	Xuất sắc	4,21–5,00
	Tư vấn và hướng dẫn học sinh kiểm soát cảm xúc ở mức khá, đôi lúc còn thiếu kiên nhẫn.	Tốt	3,41–4,20
	Tư vấn học sinh cách kiểm soát cảm xúc trước bạo lực học đường một cách hiệu quả song chưa ổn định.	Khá	2,61–3,40
	Tư vấn học sinh còn mơ hồ, ít tác dụng thực tế liên tới bạo lực học đường với học sinh.	Trung bình	1,81–2,60
	Không biết cách tư vấn và hướng dẫn học sinh kiểm soát cảm xúc, thậm chí phản ứng nóng nảy trước bạo lực học đường.	Chưa đạt	1,00–1,80

 https://doi.org/10.15625/2615-8957/12610506

Kĩ năng	Chỉ báo chi tiết	Mức độ	Giá trị trung bình
Tư vấn học sinh cách tự ứng phó với tổn thương do bạo lực	Tư vấn học sinh một số cách tự ứng phó đa dạng, sáng tạo, khả thi giúp học sinh tự tin đối diện với bạo lực.	Xuất sắc	4,21–5,00
	Tư vấn học sinh đưa ra cách tự ứng phó phù hợp trong đa số tình huống bạo lực học đường.	Tốt	3,41–4,20
	Tư vấn học sinh cách tự ứng phó với tổn thương do bạo lực học đường còn chung chung, hiệu quả chưa tốt.	Khá	2,61–3,40
	Tư vấn học sinh cách tự ứng phó với tổn thương do bạo lực học đường còn thiếu cụ thể, không dễ áp dụng vào thực tế.	Trung bình	1,81–2,60
	Không tư vấn học sinh cách tự ứng phó với tổn thương do bạo lực học đường một cách rõ ràng hoặc đưa ra lời khuyên sai lệch.	Chưa đạt	1,00–1,80
Tư vấn học sinh tìm kiếm sự trợ giúp từ những người tin tưởng	Tư vấn và hướng dẫn học sinh chủ động tìm đến nhiều nguồn lực (gia đình, thầy cô, bạn bè...); khuyến khích giao tiếp cởi mở.	Xuất sắc	4,21–5,00
	Tư vấn học sinh kết nối được ít nhất 1-2 nguồn lực hỗ trợ phù hợp.	Tốt	3,41–4,20
	Tư vấn học sinh tìm kiếm sự trợ giúp nhưng chưa chỉ rõ cách tiếp cận hiệu quả.	Khá	2,61–3,40
	Tư vấn học sinh tìm kiếm sự trợ giúp còn mơ hồ, thiếu sự gắn kết cụ thể với nguồn lực.	Trung bình	1,81–2,60
	Không biết tư vấn học sinh tìm kiếm sự trợ giúp hoặc bỏ qua việc hướng dẫn học sinh tìm kiếm sự trợ giúp.	Chưa đạt	1,00–1,80

Bảng 3: *Kết quả đánh giá điểm kĩ năng tư vấn học sinh ứng phó với tổn thương khi bị bạo lực thông qua xử lí tình huống của sinh viên Giáo dục tiểu học trước khi tiến hành thực nghiệm*

Lớp	Số lượng	Điểm (%)					
		Dưới 4	4,0 – 5,4	5,5 -6,9	7 - 8,4	8,5 -10	Tổng
Thực nghiệm	60	0	20,0	53,3	26,7	0	100
Đối chứng	60	0	20,0	51,7	28,3	0	100

tổn thương khi bị bạo lực cho sinh viên của các lớp thực nghiệm và đối chứng thông qua bài kiểm tra đầu vào. Kết quả được thể hiện ở Bảng 3 (xem Bảng 3).

Theo quy chế đào tạo của Trường Đại học Hùng Vương quy định: Dưới 4,0: Điểm F; 4,0 – 5,4: Điểm D; 5,5 -6,9: Điểm C; 7 - 8,4: Điểm B; 8,5 -10: Điểm A.

Qua Biểu đồ 01 cho thấy, kết quả đánh giá kĩ năng tư vấn học sinh ứng phó với tổn thương khi bị bạo lực cho sinh viên Giáo dục Tiểu học tại lớp thực nghiệm và đối chứng trước khi tiến hành thực nghiệm là tương đương nhau, chủ yếu ở điểm C. Tỉ lệ điểm C ở lớp thực nghiệm là (53,3%) cao hơn 0,6% so với lớp đối chứng (51,7%). Tỉ lệ mức độ điểm D của hai nhóm đều giống nhau (20%). Ở điểm B, nhóm đối chứng cao hơn nhóm thực nghiệm là 0,6 % (28,3% so với 26,7%) nhưng chênh lệch không đáng kể.

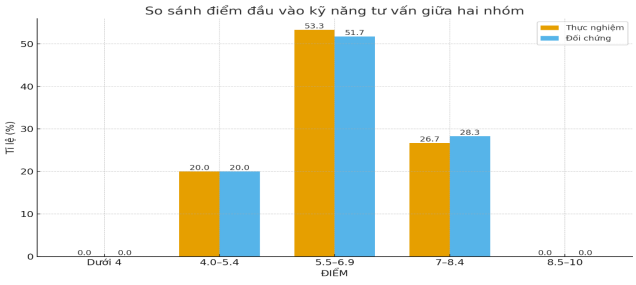

Biểu đồ 1: *Kết quả đánh giá kĩ năng tư vấn học sinh ứng phó với tổn thương khi bị bạo lực thông qua xử lí tình huống của sinh viên Giáo dục tiểu học trước khi tiến hành thực nghiệm*

Kết quả đầu vào cho thấy, hai nhóm thực nghiệm và đối chứng có phân bố gần như tương đồng về mức độ kĩ năng tư vấn, đảm bảo tính khách quan và

độ tin cậy của thiết kế thực nghiệm. Để kiểm chứng độ tin cậy, chúng tôi tiến hành kiểm định T-test. Kết quả thu được ở Bảng 4.

Bảng 4 cho thấy, không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng ở tất cả các tiêu chí khảo sát trước thực nghiệm. Điều này thể hiện qua các giá trị Sig > 0,05 (dao động từ 0,647 đến 0,752). Kiểm định Levene về sự bằng nhau của phương sai cho thấy phương sai giữa hai nhóm không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê (p > 0,05), do đó kết quả t-test được báo cáo theo giả định phương sai bằng nhau.

Cụ thể, ở tiêu chí "Kĩ năng tư vấn học sinh nhận diện tổn thương do bạo lực học đường", điểm trung bình của nhóm thực nghiệm là 2,61 và nhóm đối chứng là 2,65 (Sig = 0,647). Ở tiêu chí "Kĩ năng kiểm soát cảm xúc bản thân khi bị bạo lực", điểm trung bình lần lượt là 2,71 và 2,68 (Sig = 0,743). Với tiêu chí "Kĩ năng tư vấn học sinh cách ứng phó với tổn thương do bạo lực", điểm trung bình của hai nhóm là 2,58 và 2,53 (Sig = 0,752). Ở tiêu chí "Kĩ năng tìm kiếm sự trợ giúp từ người tin tưởng", điểm trung bình của nhóm thực nghiệm là 2,68 và nhóm đối chứng là 2,69 (Sig = 0,647).

Nhìn chung, các kết quả trên cho thấy hai nhóm có điểm xuất phát tương đương về kĩ năng tư vấn học sinh bị tổn thương do bạo lực học đường. Đây là điều kiện tiền đề quan trọng để tiến hành thực nghiệm, đảm bảo rằng những thay đổi sau can thiệp có thể được quy cho tác động của biện pháp thực nghiệm thay vì sự khác biệt ban đầu giữa các nhóm.

3.2. Kết quả kiểm tra kĩ năng tư vấn học sinh ứng phó với tổn thương khi bị bạo lực của sinh viên Giáo dục tiểu học sau thực nghiệm

Dựa trên quy chế đánh giá của Trường Đại học Hùng Vương, kết quả thể hiện ở Bảng 5 và Biểu đồ 2 cho thấy, nhóm thực nghiệm có sự cải thiện rõ rệt về mức độ kĩ năng tư vấn so với nhóm đối chứng. Ở nhóm thực nghiệm, tỉ lệ sinh viên đạt điểm B (58,3%) và điểm A (13,3%) chiếm ưu thế tuyệt đối, trong khi nhóm đối chứng chỉ đạt 28,3% điểm B và 0% điểm A, điểm D (16,7%). Đồng thời, tỉ lệ điểm C ở sinh viên

Bảng 4: *Kết quả kiểm định T-test kĩ năng tư vấn học sinh ứng phó với tổn thương do bạo lực ở sinh viên trước khi tiến hành thực nghiệm*

Tiêu chí	Nhóm	N	$\bar{X}$	SD	T-test	Sig. (2- phía)
Kĩ năng tư vấn nhận diện tổn thương do bạo lực.	Thực nghiệm	60	2,61	0,55	0,316	0,647
	Đối chứng	60	2,65	0,53		
Kĩ năng tư vấn học sinh kiểm soát cảm xúc bản thân khi bị bạo lực.	Thực nghiệm	60	2,71	0,52	0,335	0,743
	Đối chứng	60	2,68	0,54		
Kĩ năng tư vấn học sinh cách ứng phó để ứng phó với tổn thương do bạo lực.	Thực nghiệm	60	2,58	0,54	0,311	0,752
	Đối chứng	60	2,53	0,53		
Kĩ năng tư vấn học sinh tìm kiếm sự trợ giúp từ những người tin tưởng để ứng phó với tổn thương do bạo lực.	Thực nghiệm	60	2,68	0,51	0,467	0,647
	Đối chứng	60	2,69	0,56		

Bảng 5: *Kết quả đánh giá điểm kĩ năng tư vấn học sinh ứng phó với tổn thương khi bị bạo lực thông qua xử lí tình huống của sinh viên Giáo dục tiểu học sau khi tiến hành thực nghiệm*

Lớp	Số lượng	Điểm (%)					
		Dưới 4	4,0 – 5,4	5,5 -6,9	7 - 8,4	8,5 -10	Tổng
Thực nghiệm	60	0,0	0,0	28,4	58,3	13,3	100
Đối chứng	60	0,0	16,7	55,0	28.3	0,0	100

 https://doi.org/10.15625/2615-8957/12610506

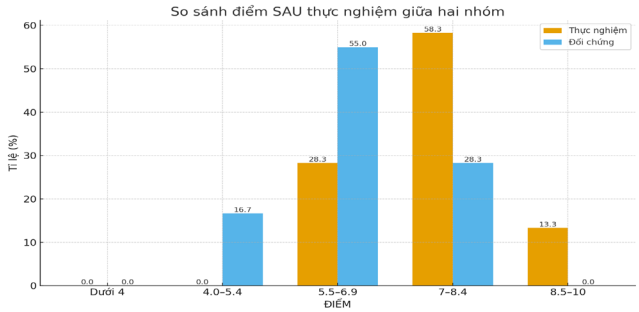

Biểu đồ 2: *Kết quả đánh giá điểm kĩ năng tư vấn học sinh ứng phó với tổn thương khi bị bạo lực thông qua xử lí tình huống của sinh viên sau khi tiến hành thực nghiệm*

nhóm thực nghiệm (28,4%) thấp hơn đáng kể so với nhóm đối chứng (55%).

Không có sinh viên nào thuộc mức điểm F ở cả hai nhóm, tuy nhiên, phân bố điểm cho thấy nhóm thực nghiệm vượt trội về chất lượng, đặc biệt ở hai mức điểm cao. Điều này chứng tỏ biện pháp thực nghiệm đã tác động tích cực, giúp sinh viên nâng cao năng lực tư vấn học sinh ứng phó với tổn thương tâm lí hiệu quả hơn so với nhóm không được can thiệp.

Để kiểm chứng độ tin cậy, chúng tôi tiến hành kiểm định T-test. Kết quả thu được như sau (xem Bảng 6):

Bảng 6 trình bày kết quả kiểm định T-test kĩ năng tư vấn của sinh viên sau quá trình thực nghiệm. Kết quả cho thấy sự khác biệt giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng ở tất cả các tiêu chí đều đạt mức ý nghĩa thống kê.

Ở tiêu chí "Kĩ năng tư vấn học sinh nhận diện tổn thương do bạo lực học đường", nhóm thực nghiệm đạt điểm trung bình 3,45, cao hơn đáng kể so với 2,59 của nhóm đối chứng (t = 8,336; Sig = 0,001). Tương tự, ở tiêu chí "Kĩ năng kiểm soát cảm xúc bản thân khi bị bạo lực", nhóm thực nghiệm đạt 3,23 so với 2,52 của nhóm đối chứng (t = 9,975; Sig = 0,001). Ở tiêu chí "Kĩ năng tư vấn học sinh cách ứng phó với tổn thương do bạo lực", nhóm thực nghiệm đạt 3,46 trong khi nhóm đối chứng đạt 2,53 (t = 5,755; Sig = 0,003). Cuối cùng, ở tiêu chí "Kĩ năng tư vấn học sinh tìm kiếm sự trợ giúp từ người tin tưởng", nhóm thực nghiệm đạt 3,55 so với 2,66 của nhóm đối chứng (t = 8,235; Sig = 0,002).

Các giá trị Sig < 0,05 cho thấy sự khác biệt giữa hai nhóm có ý nghĩa thống kê ở mức tin cậy 95%. Kiểm định Levene cho thấy phương sai giữa hai nhóm không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê (p > 0,05), do đó kết quả T-test được báo cáo theo giả định phương sai bằng nhau.

Bên cạnh ý nghĩa thống kê, hệ số ảnh hưởng (Cohen's d) được tính toán cho từng tiêu chí cho thấy mức tác động rất lớn của các biện pháp can thiệp. Cụ thể, ở tiêu chí "nhận diện tổn thương", d = 1,35; "kiểm soát cảm xúc", d = 1,34; "hướng dẫn ứng phó", d = 1,77; và "tìm kiếm sự trợ giúp", d = 1,47. Theo phân loại của Cohen (1988), các giá trị này đều vượt ngưỡng 0,8, phản ánh mức ảnh hưởng lớn về mặt thực tiễn. Kết quả này khẳng định chương trình rèn luyện có tác động mạnh mẽ đến sự phát triển kĩ năng tư vấn của sinh viên.

Đối với biến học lực, sinh viên đạt loại Giỏi và Khá có mức tăng trưởng rõ rệt hơn ở một số tiêu chí;

Bảng 6: *Kết quả kiểm định T-test kĩ năng tư vấn học sinh ứng phó với tổn thương do bạo lực ở sinh viên sau khi tiến hành thực nghiệm*

Tiêu chí	Nhóm	N	$\bar{X}$	SD	T-test	Sig. (2-phía)
Kĩ năng tư vấn nhận diện tổn thương do bạo lực.	Thực nghiệm	60	3,45	0,63	8,336	0,001
	Đối chứng	60	2,59	0,64		
Kĩ năng tư vấn học sinh kiểm soát cảm xúc bản thân khi bị bạo lực.	Thực nghiệm	60	3,23	0,53	9,975	0,001
	Đối chứng	60	2,52	0,53		
Kĩ năng tư vấn học sinh cách ứng phó với tổn thương.	Thực nghiệm	60	3,46	0,52	5,755	0,003
	Đối chứng	60	2,53	0,53		
Kĩ năng tư vấn học sinh tìm kiếm sự trợ giúp từ những người tin tưởng để ứng phó với tổn thương.	Thực nghiệm	60	3,55	0,60	8,235	0,002
	Đối chứng	60	2,66	0,61		

tuy nhiên, tất cả các nhóm học lực đều có sự tiến bộ sau can thiệp, cho thấy hiệu quả của chương trình mang tính phổ quát và không phụ thuộc hoàn toàn vào năng lực học thuật ban đầu.

3.3. Bàn luận

Kết quả thực nghiệm cho thấy, nhóm sinh viên được can thiệp có sự cải thiện rõ rệt ở cả bốn tiêu chí kĩ năng tư vấn so với nhóm đối chứng, với các giá trị Sig đều nhỏ hơn 0,05. Điều này khẳng định tính hiệu quả của chương trình rèn luyện kĩ năng tư vấn được triển khai trong nghiên cứu.

Trước hết, sự gia tăng đáng kể ở tiêu chí "nhận diện tổn thương" cho thấy sinh viên đã hình thành năng lực quan sát, phân tích và xác định biểu hiện tâm lí của học sinh trước tác động của bạo lực học đường. Kết quả này phù hợp với quan điểm của Geldard và Geldard (2002) khi cho rằng, khả năng nhận diện vấn đề là bước nền tảng trong tiến trình tư vấn học đường.

Ở tiêu chí "Kiểm soát cảm xúc" và "Hướng dẫn ứng phó", mức tăng trưởng sau thực nghiệm phản ánh hiệu quả của phương pháp mô phỏng tình huống và đóng vai. Việc học thông qua trải nghiệm giúp sinh viên chuyển hóa kiến thức lí thuyết thành kĩ năng thực hành, điều này tương đồng với kết quả của Kim và cộng sự (2024) về đào tạo tư vấn học đường dựa trên bằng chứng thực nghiệm.

Kĩ năng "Tìm kiếm sự trợ giúp" cũng được cải thiện rõ rệt, cho thấy sinh viên không chỉ dừng lại ở mức hỗ trợ cảm xúc mà đã biết định hướng học sinh tiếp cận các nguồn lực xã hội phù hợp. Đây là đặc điểm quan trọng của mô hình tư vấn học đường hiện đại, trong đó giáo viên đóng vai trò là cầu nối giữa học sinh và hệ thống hỗ trợ trong nhà trường.

So sánh với các nghiên cứu quốc tế, kết quả nghiên cứu này đồng điệu với Kivlighan và Kivlighan (2004) về mối liên hệ giữa kĩ thuật tư vấn và hiệu quả can thiệp. Đồng thời, kết quả cũng củng cố nhận định của North và Pincus (2023) rằng, đào tạo kĩ năng tư vấn cần gắn với thực hành tình huống thay vì chỉ truyền đạt lí thuyết.

So với bối cảnh trong nước, nghiên cứu góp phần bổ sung bằng chứng thực nghiệm về phát triển kĩ năng tư vấn cho sinh viên sư phạm - một lĩnh vực còn tương đối hạn chế trong các công trình nghiên cứu giáo dục Việt Nam hiện nay. Phần lớn các nghiên cứu trước đây mới dừng ở mức khảo sát thực trạng hoặc đề xuất giải pháp, chưa có thiết kế thực nghiệm đối chứng để kiểm chứng hiệu quả can thiệp.

Về mặt lí luận, nghiên cứu làm rõ cơ chế tác động của mô hình rèn luyện kĩ năng tư vấn dựa trên trải nghiệm và phản hồi có hướng dẫn đối với sinh viên giáo dục tiểu học. Về mặt phương pháp, nghiên cứu áp dụng thiết kế thực nghiệm có đối chứng, góp phần nâng cao độ tin cậy và tính thuyết phục của kết quả.Về mặt thực tiễn, nghiên cứu cung cấp minh chứng cho việc tích hợp nội dung rèn luyện kĩ năng tư vấn vào học phần Tư vấn tâm lí học đường trong đào tạo giáo viên tiểu học.

4. Kết luận

Bạo lực học đường đang trở thành một thách thức nghiêm trọng đối với sự phát triển tâm lí của học sinh tiểu học. Việc trang bị cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học kĩ năng tư vấn nhằm hỗ trợ học sinh ứng phó với tổn thương do bạo lực học đường là yêu cầu cần thiết trong đào tạo giáo viên theo định hướng phát triển năng lực.

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá hiệu quả của chương trình tập huấn rèn luyện kĩ năng tư vấn cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học, thông qua việc triển khai các hoạt động bồi dưỡng kiến thức, mô phỏng tình huống và thực hành trải nghiệm có hướng dẫn.

Kết quả thực nghiệm cho thấy, sinh viên tham gia chương trình có sự cải thiện rõ rệt về kĩ năng tư vấn so với nhóm không tham gia can thiệp. Điều này khẳng định tính khả thi và hiệu quả của chương trình rèn luyện kĩ năng tư vấn trong việc nâng cao năng lực hỗ trợ tâm lí học sinh trong bối cảnh bạo lực học đường. Nghiên cứu cung cấp minh chứng thực nghiệm về hiệu quả của mô hình rèn luyện kĩ năng tư vấn dựa trên trải nghiệm và phản hồi có hướng dẫn, đồng thời cho thấy khả năng tích hợp nội dung phát triển kĩ năng tư vấn vào học phần Tư vấn tâm lí học đường trong chương trình đào tạo giáo viên tiểu học. Trên cơ sở đó, kết quả nghiên cứu gợi mở hướng tiếp cận đào tạo dựa trên trải nghiệm và thực hành, thay vì chỉ tập trung vào truyền thụ lí thuyết.

Đối với các cơ sở đào tạo giáo viên: Cần đưa nội dung rèn luyện kĩ năng tư vấn tâm lí đặc biệt là tư vấn trong các tình huống học sinh bị bạo lực học đường vào chương trình đào tạo chính khóa hoặc ngoại khóa để sinh viên được tiếp cận sớm và có cơ hội thực hành nhiều hơn.

Đối với giảng viên sư phạm: Nên tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học trải nghiệm, đóng vai và xử lí tình huống thực tiễn nhằm phát triển kĩ năng tư vấn cho sinh viên thay vì chỉ truyền thụ lí thuyết.

 https://doi.org/10.15625/2615-8957/12610506

Đối với sinh viên ngành Giáo dục tiểu học: Cần chủ động tham gia các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn, trải nghiệm thực tế và tự rèn luyện qua thực hành mô phỏng nhằm nâng cao năng lực tư vấn, sẵn sàng ứng phó với các vấn đề tâm lí học đường.

Đối với các trường tiểu học: Cần tăng cường phối hợp với cơ sở đào tạo sư phạm trong việc tạo môi trường thực hành, cho phép sinh viên tham gia hỗ trợ, tư vấn và trải nghiệm trực tiếp để nâng cao kĩ năng nghề nghiệp.

Tài liệu tham khảo

Alberti, F. B. (2021). Fat shaming, feminism and Facebook: What "women who eat on tubes" reveal about social media and the boundaries of women's bodies. *European Journal of Cultural Studies, 24*(6), pp.1304-1318.

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2017). *Thông tư số 31/2017/TTBGDĐT ngày 18 tháng 12 năm 2017 hướng dẫn thực hiện công tác tư vấn tâm lí cho học sinh trong trường phổ thông.*

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Quyết định số 1876/QĐBGDĐT ngày 21 tháng 5 năm 2018 ban hành Chương trình bồi dưỡng năng lực tư vấn cho giáo viên phổ thông.*

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2022a). *Công văn số 4252/BGDĐT-GDCTHSSV ngày 31 tháng 8 năm 2022 về việc tăng cường triển khai công tác hỗ trợ, tư vấn tâm lí cho học sinh phổ thông.*

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2022b). *Quyết định số 4216/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 12 năm 2022 phê duyệt Sổ tay hướng dẫn tư vấn tâm lí cho học sinh phổ thông.*

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2023a). *Quyết định số 2771/QĐ-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2023 phê duyệt Tài liệu hướng dẫn triển khai mô hình cung cấp dịch vụ tư vấn tâm lí trong trường học.*

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2023b). *Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 quy định về vị trí việc làm trong cơ sở giáo dục phổ thông, trong đó có vị trí việc làm về tư vấn tâm lí.*

Corradini, E. (2023). The dark threads that weave the web of shame: A network science-inspired analysis of body shaming on Reddit. *Information, 14*(8), 436. https://doi.org/10.3390/info14080436.

Geldard, K. & Geldard, D. (2002). *Counselling children: A practical introduction* (2nd ed.). SAGE Publications.

Kaushik, P. & Batra, B. (2022). Body image shame, appearance anxiety, and mental health well-being among young adults victims of body shaming. *Youth Voice Journal, 12*, pp.2-22.

Kim, H., Molina, C. E., Watkinson, J. S., LeighOsroosh, K. T. & Li, D. (2024). Theory-informed school counseling: Increasing efficacy through prevention-focused practice and outcome research. *Journal of Counseling & Development, 102*(2), pp.226-238.

Kivlighan, D. M., Jr. & Kivlighan, M. C. (2004). Counselor intentions in individual and group treatment. *Journal of Counseling Psychology, 51*(3), pp.347–353.

McMahon, J., McGannon, K. R. & Palmer, C. (2022). Body shaming and associated practices as abuse: Athlete entourage as perpetrators of abuse. *Sport, Education and Society, 27*(5), pp.578-591.

North, R. & Pincus, R. (2023). The state of motivational interviewing training in school counseling graduate programs. *Journal of Humanistic Counseling, 63*(1), pp.10-23.

Schlüter, C., Kraag, G. & Schmidt, J. (2023). Body shaming: An exploratory study on its definition and classification. *International Journal of Bullying Prevention, 5*(1), pp.26-37.

Sibisi, N. N., Sibisi, N. T. & Mpofu, Z. F. (2024). Preventative strategies to curb school violence: A case study of selected schools in Hhohho District of Eswatini, Mbabane. *Social Sciences, 13*(2), 79. https://doi.org/10.3390/socsci13020079.

Varela, J. J., González, C., Bravo-Sanzana, M., ReyesReyes, F. & Pacheco-Olmedo, D. (2024). School violence, school bonding and adherence to school norms and its association with life satisfaction among Chilean and foreign students. *Child Indicators Research, 17*(1), pp.31-56.

Willenberg, M. (2023). Talking about bodies on YouTube: Linguistic and multimodal avoidance strategies in the context of body shaming and eating disorders. In A. M. Thornton & L. Baranzini (Eds.), *Lingua e discriminazione: Studi diacronici, lessicali e discorsivi*, pp. 149-166. Peter Lang.

Willson, E. & Kerr, G. (2022). Body shaming as a form of emotional abuse in sport. *International Journal of Sport and Exercise Psychology, 20*(5), pp.1452-1470.